

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2018/DS-PT
Ngày: 23 - 4 -2018
V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Sum

Ông Lê Hoàng Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Hà Ngọc Thu
Trúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17 đến 23 tháng 4 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:397/2017/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 149/2017/DS-ST ngày 15 tháng 09 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2018/QĐPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Ngọc L**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp AC, xã HĐ, huyện CG, tỉnh TG.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Đỗ Văn Ch, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp HG, xã MP, thành phố MT, tỉnh TG là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Thị Ngọc L (văn bản ủy quyền ngày 29/7/2017).

- Bị đơn:

1. Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1970.

2. Anh **Phạm Hữu H**, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: ấp HLT, xã HĐ, huyện CG, tỉnh TG.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp LT, xã LA, huyện CT, tỉnh TG là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Thị T, Phạm Hữu H (văn bản ủy quyền ngày 10/7/2017).

- Người làm chứng:

1. Chị Đinh Thị T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp HLT, xã HĐ, huyện CG, tỉnh TG.

2. Chị Lê Trần Ái Ph, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp HT, xã HĐ, huyện CG, tỉnh TG.

3. Chị Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp HLT, xã HĐ, huyện CG, tỉnh TG.

4. Chị Phạm Thị Bé N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp AC, xã HĐ, huyện CG, tỉnh TG.

5. Anh Đỗ Quang V, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp HLT, xã BN, huyện CG, tỉnh TG.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Trần Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

* *Nguyên đơn Trần Thị Ngọc L trình bày*:

Vào năm 2016, chị Trần Thị Ngọc L có cho chị Trần Thị T và anh Phạm Hữu H vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

+ Ngày 16/02/2016 âm lịch chị Lý có cho chị Trần Thị T, anh Phạm Hữu H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 10 tháng, giấy mượn tiền do chị T ký tên.

+ Ngày 02/03/2016 âm lịch chị L có cho chị Trần Thị T, anh Phạm Hữu H vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 10 tháng, giấy mượn tiền do chị T ký tên.

+ Ngày 11/4/2016 âm lịch chị L có cho chị Trần Thị T, anh Phạm Hữu H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 10 tháng, giấy mượn tiền do chị T ký tên.

+ Ngày 18/6/2016 âm lịch chị L có cho chị Trần Thị T, anh Phạm Hữu H vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 10 tháng, giấy mượn tiền do chị T ký tên.

+ Ngày 25/6/2016 âm lịch chị L có cho chị Trần Thị T, anh Phạm Hữu H vung vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 10 tháng, giấy mượn tiền do chị T ký tên.

+ Ngày 01/7/2016 âm lịch chị L có cho chị Trần Thị T, anh Phạm Hữu H vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, giấy mượn tiền do chị T ký tên.

+ Ngày 02/9/2016 âm lịch chị L có cho chị Trần Thị T, anh Phạm Hữu H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 10 tháng; ngày 22/11/2016 âm lịch chị L cho chị T, anh H vay số tiền 66.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng; ngày 25/12/2016 âm lịch chị L cho chị T, anh H vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng. Giấy mượn tiền do chị T và anh H ký tên viết trong cùng một tờ giấy mượn tiền.

+ Ngày 07/04/2017 âm lịch chị L có cho chị Trần Thị T, anh Phạm Hữu H vay số tiền 39.650.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, giấy mượn tiền do chị T ký tên.

Tổng cộng số tiền chị L cho chị T, anh H vay là 355.650.000 đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Chị T có đóng lãi cho chị L được đến tháng 09/2016 âm lịch thì ngưng không đóng lãi cho đến nay. Vợ chồng chị T, anh H chưa trả khoản tiền vốn nào cho chị L.

Ngày 26/6/2017, chị L có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 39.650.000 đồng theo biên nhận ngày 07/4/2017 AL do chưa đến thời hạn để khởi kiện.

Ngày 11/8/2017, chị L có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 66.000.000 đồng ngày 22/11/2016 AL và số tiền vay 20.000.000 đồng ngày 25/12/2016 aal theo biên nhận ngày 02/9/2016 AL.

Nay chị yêu cầu chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Hữu H phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền nợ là 230.000.000. Thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Bị đơn Trần Thị T trình bày:**

Chị Trần Thị T thừa nhận có vay tiền của chị Trần Thị Ngọc L nhưng chị T cho rằng số tiền chị L khởi kiện là đã tính tiền lãi cộng dồn vào tiền vốn, cụ thể như sau:

+ Ngày 16/02/2016 âm lịch chị T có vay của chị L số tiền vốn 50.000.000 đồng, chị T thừa nhận chị có ký tên trong giấy mượn tiền ngày 16/02/2016 al (do chị L cung cấp).

+ Ngày 02/03/2016 âm lịch chị T có vay của chị L số tiền vốn 20.000.000 đồng, chị T thừa nhận chị có ký tên trong giấy mượn tiền ngày 16/02/2016 al (do chị L cung cấp).

+ Ngày 11/4/2016 âm lịch chị T có vay của chị L số tiền vốn 30.000.000 đồng, nhưng chị T cho rằng chị L đã tính tiền lãi chị T chưa đóng là 20.000.000 đồng nên cộng lại là 50.000.000 đồng. Chị T thừa nhận chị có ký tên trong giấy mượn tiền ngày 11/4/2016 al do chị L cung cấp.

+ Ngày 18/6/2016 âm lịch chị T có vay của chị L số tiền vốn 10.000.000 đồng, chị T thừa nhận chị có ký tên trong giấy mượn tiền ngày 18/6/2016 al (do chị L cung cấp).

+ Chị T thừa nhận có ký tên trong giấy mượn tiền ngày 25/6/2016 al do chị L cung cấp nhưng chị T cho rằng số tiền 30.000.000 đồng trong biên nhận là tiền lãi chị T còn nợ chị L chứ không phải tiền vốn chị T vay của chị L.

+ Chị T thừa nhận có ký tên trong giấy mượn ngày 02/9/2016 al do chị L cung cấp chứ không phải tiền vốn chị T vay của chị L. Còn số tiền 66.000.000 đồng và 20.000.000 đồng là do chị L tự ghi thêm vào biên nhận sau khi chị T đã ký tên nên chị T không biết số tiền nợ này. Biên nhận ngày 02/9/2016 al có anh Phạm Hữu H là chồng chị T cùng ký tên trong biên nhận.

Tổng cộng số tiền vốn chị T thừa nhận có vay của chị L là 110.000.000 đồng.

Khi vay tiền hai bên thỏa thuận thời gian trả được ghi trong giấy mượn tiền, lãi suất chị L cho vay là 20%/tháng. Số tiền lãi chị T đã đóng cho chị L là 714.900.000 đồng (theo bản tự khai chị gửi cho Tòa án). Khi chị đóng lãi thì chị chỉ đưa tiền cho chị L chứ chị L không có ghi biên nhận cho chị. Mục đích

chị T vay tiền của chị L là để sử dụng trong gia đình, buôn bán trái cây và để anh H mua bán heo

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc L thì chị Trần Thị T đồng ý trả cho chị L số tiền 110.000.000 đồng. Chị T xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin xem xét số tiền lãi chị tám và anh H đã đóng cho chị L.

*** Bị đơn anh Phạm Hữu H trình bày:** Anh H thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị T. Anh H thừa nhận có ký tên trong biên nhận ngày 02/9/2016 al (ghi ngày 02/5/2017), còn các biên nhận khác anh không có ký tên. Khi chị T vay tiền của chị L thì anh không biết nhưng tiền chị T vay để sử dụng chung trong gia đình và làm vốn để anh buôn bán heo.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, anh H đồng ý cùng chị T trả cho chị L số tiền 110.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

*** Người làm chứng Đinh Thị T trình bày:** Chị Đinh Thị T có quan hệ quen biết với chị Trần Thị Ngọc L và chị Trần Thị T, anh Phạm Hữu H do bán chung chợ.

Chị Đinh Thị T cho biết chị có vay tiền của chị Trần Thị Ngọc L vào năm 2016, vay 02 lần với số tiền 25.000.000 đồng. Hiện số tiền nợ này chị đã trả xong cho chị L rồi. Chị T cho rằng chị L cho chị T vay tiền với lãi suất thỏa thuận là 20%/tháng và chị T đóng đầy đủ tiền lãi cho chị L, nhưng khi chị trả tiền lãi cho chị L thì không có làm biên nhận hay giấy tờ gì nên chị không có chứng minh cho việc đóng lãi này. Chị T có nghe chị L nói có cho chị Trần Thị T vay tiền còn thỏa thuận như thế nào thì chị không rõ.

*** Người làm chứng Lê Trần Ái Ph trình bày:**

Chị Ph làm nghề phụ hồ, chị Ph với chị Trần Thị T là chỗ quen biết từ lâu. Thường ngày chị Ph đưa con đi học ngang qua sạp bán trái cây của chị T và cũng thường mua trái cây của chị T. Chị không biết chị Trần Thị Mai Tr là ai, chị chỉ biết chị Trần Thị Ngọc L là người cho chị Trần Thị T vay tiền. Qua tâm sự với nhau, chị T thường than với chị: “Tao có vay tiền của chị L mấy chục triệu, chị L tính lãi suất 20%/tháng, tao đã đóng tiền lãi tính đến nay đã nhiều hơn tiền vốn rồi mà chị L còn đòi hoài. Bây giờ tao không có khả năng đóng lãi nữa”.

*** Người làm chứng Nguyễn Thị Ánh L trình bày:** Giữa chị L với chị Trần Thị Ngọc L, chị Trần Thị T, anh Phạm Hữu H không có quan hệ bà con mà chỉ quen biết do bán chung chợ HĐ. Chị L là hội viên còn chị L là chủ hội, chị T, anh H không có tham gia trực tiếp chơi hội do chị L làm chủ hội.

Chị L hoàn toàn không biết và cũng không có chứng kiến việc đóng lãi giữa hai bên là chị L và chị T, anh H. Chị L là người trực tiếp tham gia chơi hội do chị L làm chủ hội gồm 02 dây hội cụ thể như sau:

+ Dây 1: Hội tuần 500.000 đồng/tuần/phần, chị L tham gia 10 phần, hội khai ngày 16/9/2016 al đóng đến khoảng tháng 02/2017 al thì hội mãn. Thời

gian đầu thì chị L đóng được khoảng hơn 02 tháng, chị L có cự cãi với chị Trần Thị T là “Tôi chơi hụi dùm cho chị sau chị không đóng hụi cho tôi”. Sau đó chị L và chị T có luân phiên đóng hụi trực tiếp cho chị L nhưng chị L không nhớ ai đóng hụi nhiều hơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo quyết định:

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc L. Buộc chị Trần Thị T, anh Phạm Hữu H phải có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị Ngọc L số tiền 230.000.000 đồng. Thời gian 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi số tiền 39.650.000 đồng tại biên nhận ngày 07/4/2017 AL (do chưa đến thời hạn khởi kiện) của chị Trần Thị Ngọc L nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi số tiền 66.000.000 đồng ngày 22/11/2016 AL và số tiền vay 20.000.000 đồng ngày 25/12/2016 AL được ghi trong cùng biên nhận ngày 02/9/2016 AL (do chị T, anh H không thừa nhận) của chị Trần Thị Ngọc L nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 196/2017/QĐ-BPKCTT ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, quyền thỏa thuận thi hành án.

Ngày 26/9/2017, bị đơn Trần Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét: Không công nhận giá trị chứng cứ theo qui định của pháp luật đối với 04 biên nhận ngày 11/4/2016; 25/6/2016; 01/7/2016; 02/9/2016.

Hình thức và nội dung của biên nhận ngày 02/9/2016 không phù hợp làm chứng cứ giải quyết vụ án. Đề nghị xem xét lại việc đóng lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Đinh Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng. Trong quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của pháp luật, các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của chị Đinh Thị T là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các bên đương sự. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Trần Thị T thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự là đúng qui định.

[2]Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định:

Trong năm 2016 chị Trần Thị Ngọc L cho chị Trần Thị T vay nhiều lần tổng số tiền 230.000.000 đồng, việc vay tiền có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Thời gian trả từ 03 tháng đến 10 tháng (ghi trong từng biên nhận), hai bên có làm biên nhận nợ. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 07 biên nhận nợ có chữ ký của chị Trần Thị T. Chị T cũng thừa nhận chữ ký trong 07 biên nhận là chữ ký của chị nên có cơ sở xác định giữa chị Trần Thị Ngọc L và chị Trần Thị T xác lập hợp đồng vay theo qui định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo thỏa thuận thì thời hạn vay từ 03 đến 10 tháng, đến hạn chị L nhiều lần yêu cầu chị T trả nợ nhưng đến nay chị T vẫn không thực hiện việc trả nợ cho chị L. Như vậy, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho chị L. Án sơ thẩm xử buộc chị T có nghĩa vụ trả số tiền 230.000.000 đồng cho chị L là có căn cứ.

Xét yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị T Hội đồng xét xử xét thấy:

Thứ 1: Chị T đề nghị xem xét 04 biên nhận ngày 11/4/2016; biên nhận ngày 25/6/2016; biên nhận ngày 01/7/2016; biên nhận ngày 02/9/2016 do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ khởi kiện là không có căn cứ vì các biên nhận trên là tiền lãi.

Xét thấy: Căn cứ 07 biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp thì tổng số tiền nợ là 230.000.000 đồng, phía bị đơn chị Trần Thị T chỉ thừa nhận nợ 110.000.000 đồng. Đối với 04 biên nhận ngày 11/4/2016; biên nhận ngày 25/6/2016; biên nhận ngày 01/7/2016; biên nhận ngày 02/9/2016 chị T cho rằng do chị không có tiền đóng lãi nên chị L viết biên nhận cộng tiền lãi vào và bắt chị ký tên.

Xét Các biên nhận nhận ngày 11/4/2016; biên nhận ngày 25/6/2016; biên nhận ngày 01/7/2016; biên nhận ngày 02/9/2016 chị T thừa nhận có ký tên, nội dung các biên nhận trên không thể hiện tiền lãi. Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của chị T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh các biên nhận trên là tiền lãi nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T.

Thứ 2: Chị T đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét không công nhận chứng cứ hợp pháp đối với biên nhận ngày 02/9/2016 do chị L tự viết thêm số tiền 66.000.000 đồng và số tiền 20.000.000 đồng. Đồng thời, trong phần cuối biên nhận có chữ viết của ông Hùng, viết thêm nội dung đã trả cho chị Lý 50.000.000 đồng chưa được Tòa cấp sơ thẩm xem xét.

Xét thấy: Biên nhận ngày 02/9/2016 thể hiện bên cho mượn Trần Ngọc Lý, bên mượn nợ Trần Thị T. Bên A cho bên B mượn 03 khoản tiền (50.000.000 đồng; 66.000.000 đồng và 20.000.000 đồng) và ngày mượn tiền.

Các bên đương sự khai thống nhất biên nhận do chị T viết thông tin cá nhân của người mượn nợ, còn số tiền do chị L viết.

Xét trong 03 khoản nợ ghi trong biên nhận có 02 khoản nợ chị T không thừa nhận do chị L tự viết thêm vào biên nhận ngày 02/9/2016 sau khi chị T ký tên vào biên nhận nên hai khoản tiền này không được phía chị T thừa nhận. Tại Tòa cấp sơ thẩm chị L đã rút yêu cầu khởi kiện đối với hai khoản tiền này là có cơ sở.

Đối với khoản tiền 50.000.000 đồng trong biên nhận ngày 02/9/2016, chị T thừa nhận đây là số tiền lãi chị còn nợ chị L và đến ngày 02/5/2017 anh H đã trả số tiền này có viết vào giấy nợ đã trả xong. Đại diện ủy quyền của chị Trần Thị Ngọc L không thừa nhận anh H có trả số tiền 50.000.000 đồng cho chị L mà cho rằng dòng chữ viết ở cuối biên nhận là anh H hứa sẽ trả số tiền 50.000.000 đồng cho chị L vào ngày 02/5/2017.

Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L buộc chị T trả cho chị L số tiền 50.000.000 đồng của biên nhận ngày 02/9/2016 là chưa có cơ sở vì: Biên nhận ngày 02/9/2016 ở phần cuối có dòng chữ do anh H viết nội dung “Mùng 2 tháng 5 năm 2017 gửi 50.000.000 đồng”. Như vậy nội dung trên đã thể hiện rõ việc trả tiền của anh H nhưng đại diện ủy quyền của chị L lại cho rằng nội dung do anh H ghi là hẹn đến ngày 02/5/2017 sẽ trả 50.000.000 đồng nhưng không thực hiện. Lời trình bày của đại diện ủy quyền của chị L không có cơ sở vì không chứng minh được nội dung hứa trả tiền của chị T, anh H. Căn cứ vào nội dung do anh H viết trong biên nhận có cơ sở xác định anh H có trả số tiền 50.000.000 đồng nên anh H mới viết vào biên nhận (biên nhận do chị L giữ). Nếu cho rằng anh H hẹn trả tiền cho chị L vào ngày mùng 2 tháng 5 thì chị L có thể yêu cầu anh H viết rõ nội dung hẹn trả nhưng chị L vẫn đồng ý theo nội dung ghi trong biên nhận, không có ý kiến gì nên có cơ sở xác định anh H có trả 50.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị T. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ một phần nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị T. Sửa án sơ thẩm số 149/2017/DSPT ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc L đối với chị Trần Thị T, anh Phạm Hữu H.

Buộc chị Trần Thị T, anh Phạm Hữu H có trách nhiệm trả cho chị L số tiền 180.000.000 đồng. Thực hiện trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi số tiền 39.650.000 đồng tại biên nhận ngày 07/4/2017 (AL) của chị Trần Thị Ngọc L, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo qui định pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi số tiền 66.000.000 đồng ngày 22/11/2006 và số tiền vay 20.000.000 đồng ngày 25/12/2016 được ghi trong cùng biên nhận 02/9/2016.

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 196/2017/DSST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Án phí: Chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 35846 ngày 26/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Chị T phải chịu 9.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị L phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 8.892.000 tạm ứng án phí theo biên lai thu số 35370 ngày 06/6/2017 nên được hoàn lại 6.392.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Án tuyên lúc 8 giờ ngày 23/4/2018 có mặt anh Ch, chị T, anh H. Vắng mặt Đại diện Viện kiểm sát./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ gao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy

